

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2025

“V/v: Hủy hôn nhân trái pháp luật”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hùng và ông Nguyễn Danh Long.
- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc “Hủy hôn nhân trái pháp luật”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 10/9/1993 Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
- Bị đơn: Anh **Phan Hùng Q**, sinh ngày 23/12/1986. Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung D - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

(các đương sự đều có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q kết hôn với nhau vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 26 tháng 5 năm 2010. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại thôn T,

xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 4 năm 2025 chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương hủy hôn nhân trái pháp luật và giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Hùng Q.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phan Hùng Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S. Lý do đăng ký kết hôn là theo Giấy chứng minh nhân dân chị sinh ngày 15/01/1993, đủ tuổi kết hôn. Tuy nhiên, khi đi làm căn cước công dân, căn cứ giấy khai sinh thì chị lại sinh ngày 10/9/1993. Như vậy, ngày tháng sinh của chị không trùng nhau, do không hiểu biết pháp luật nên chị không để ý đến việc các giấy tờ của chị có ngày tháng sinh không trùng nhau. Nay do mâu thuẫn vợ chồng, anh chị quyết định ly hôn mới phát hiện theo giấy tờ hiện tại thì khi đăng ký kết hôn chị chưa đủ tuổi kết hôn. Do vậy, chị viết đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Hôn nhân trái pháp luật và giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Hùng Q.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Hùng Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Khi đi đăng ký kết hôn, căn cứ Giấy chứng minh nhân dân chị H đã đủ tuổi kết hôn nên UBND xã Q đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh chị theo quy định pháp luật. Theo căn cước công dân hiện nay thì chị Nguyễn Thị H sinh ngày 10/9/1993. Như vậy khi làm thủ tục đăng ký kết hôn thì chị H chưa đủ tuổi kết hôn. Sau khi được cán bộ giải thích anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án tuyên hủy hôn nhân trái pháp luật giữa anh và chị H do chị H chưa đủ tuổi kết hôn.

Đại diện UBND xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang trình bày: Ngày 26/5/2010 chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q có đến UBND xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang làm thủ tục đăng ký kết hôn, qua kiểm tra giấy tờ (Giấy chứng minh nhân dân) thấy đầy đủ và hợp lệ nên UBND xã Q đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh chị. Hiện nay, do chị H làm căn cước công dân có ngày, tháng sinh không trùng với ngày tháng sinh trong giấy đăng ký kết hôn, căn cứ ngày tháng sinh trong căn cước công dân thì chị H không đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do vậy, chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang hủy việc kết hôn giữa chị với anh Q do chị H chưa đủ tuổi kết hôn theo ngày, tháng sinh trong căn cước công dân của chị H. UBND xã không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xem xét giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Phấn Đ, sinh ngày 29/6/2011 và Phan Hùng Q1, sinh ngày 16/4/2013. Anh Phan Hùng Q có quan điểm đề

ngợi Tòa án giao các cháu Đ, Q1 cho anh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H có quan điểm nhất trí giao con chung cho anh Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục theo quy định.

Lời khai của cháu Phan Thị Phấn Đ và Phan Hùng Q1 có trong hồ sơ thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống cùng với bố.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q, huyện S. Ngày 26/5/2010 UBND xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang có làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q. Qua rà soát tại sổ đăng ký kết hôn của UBND xã Q thể hiện tại trang số 124, số A, ngày tháng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/2010; họ và tên chồng: Phan Hùng Q, sinh ngày 23/12/1986, dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, nơi thường trú: Thôn T, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; họ và tên vợ: Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/01/1993; dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, nơi thường trú: Xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Tại thời điểm UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị H là căn cứ giấy chứng minh nhân dân chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/01/1993 thì chị H đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên UBND xã mới làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh chị. Do chị H làm căn cước công dân, căn cứ giấy khai sinh có ngày, tháng, sinh không trùng với ngày tháng sinh trong giấy đăng ký kết hôn. Căn cứ ngày tháng sinh trong căn cước công dân thì chị H không đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang huỷ việc kết hôn giữa chị với anh Q và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. UBND xã Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xem xét giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, khi

đăng ký kết hôn chị H chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh chị vi phạm điều kiện kết hôn, là hôn nhân không hợp pháp. Căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX tuyên bố hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q; về con chung: giao cháu Phan Thị Phấn Đ, sinh ngày 29/6/2011 và cháu Phan Hùng Q1, sinh ngày 16/4/2013 cho anh Phan Hùng Q là người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Hùng Q và tuyên hủy hôn nhân trái pháp luật do khi kết hôn chị H chưa đủ tuổi; đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung theo quy định pháp luật; không đề nghị giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là Hủy hôn nhân trái pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Phan Hùng Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đại diện UBND xã Q vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Xác định tình cảm không còn chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy hôn nhân trái pháp luật và giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Hùng Q. Anh Q có quan điểm nhất trí quan điểm của chị H, đề nghị Tòa án tuyên hủy hôn nhân trái pháp luật giữa anh với chị H

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01-2010 ngày 26/5/2010 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thể hiện chị Nguyễn Thị H, sinh ngày

15/01/1993 và anh Phan Hùng Q, sinh ngày 23/12/1986 đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/2010. Theo Căn cước công dân, xác nhận thông tin cư trú, giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị H thể hiện chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/9/1993.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về Điều kiện kết hôn thể hiện: *“Nam nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:*

- 1. N từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên;*
- 2. ...”*

Theo nội dung Giấy đăng ký kết hôn của UBND xã Q thể hiện chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/01/1993, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị H được 17 tuổi 4 tháng 11 ngày, theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì chị H đủ tuổi kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo giấy khai sinh, xác nhận thông tin cư trú, căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H thể hiện chị H sinh ngày 10/9/1993, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị H mới được 16 tuổi 08 tháng 16 ngày, chị H chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định.

Do vậy, căn cứ các giấy tờ hiện tại của chị H (giấy khai sinh, xác nhận thông tin cư trú, căn cước công dân) việc đăng ký kết hôn giữa chị H và anh Q vi phạm điều kiện kết hôn, là hôn nhân trái pháp luật.

Khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

2. Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau:

a)...

b) Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình”....

Tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương thụ lý đơn khởi kiện của chị H thì chị H và anh Q đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết chị H có quan điểm đề nghị Tòa án tuyên hủy hôn nhân trái pháp luật của anh chị và giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Anh Q có quan điểm nhất trí yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án tuyên hủy hôn nhân trái pháp luật của anh chị và giải quyết cho anh chị được

ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11, 12 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q, chị H và anh Q chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

* Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q có 02 con chung là Phan Thị Phần Đ, sinh ngày 29/6/2011 và Phan Hùng Q1, sinh ngày 16/4/2013.

Xét thấy, cháu Phan Thị Phần Đ và cháu Phan Hùng Q1 là con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Quá trình giải quyết anh Phan Hùng Q có quan điểm đề nghị giao các cháu cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quan điểm nhất trí giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Lời khai của cháu Phan Thị Phần Đ và cháu Phan Hùng Q1 thể hiện nguyện vọng của các cháu là được sống cùng với bố. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần giao cháu Phan Thị Phần Đ, sinh ngày 29/6/2011 và cháu Phan Hùng Q1, sinh ngày 16/4/2013 cho anh Phan Hùng Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

- Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11, 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật

Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy Hôn nhân trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q (*Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01-2010, ngày 26/5/2010 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*)

Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hùng Q chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Phần Đ, sinh ngày 29/6/2011 và cháu Phan Hùng Q1, sinh ngày 16/4/2013 cho anh Phan Hùng Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003932571 ngày 21/4/2025 của Công ty cổ phần T và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000118 ngày 22/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến